TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NINH BÌNH** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2020/QĐVDS-ST
Ngày: 31-12-2020

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NINH BÌNH, TỈNH NINH BÌNH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên họp*: Bà Nguyễn Thị Thanh Phương

- *Thư ký phiên họp*: Bà Tô Thị Phương Liên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình tham gia phiên họp*: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 01/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2020 về việc: Yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật theo Quyết định mở phiên họp số 01/2020/QĐST-VDS ngày 21 tháng 12 năm 2020.

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

+ Anh Nguyễn Văn Đ, sinh 1980; địa chỉ: Số nhà 22, ngõ 59, phố 7, phường G, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

+ Chị Trịnh Thị P, sinh năm 1990; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Đ, xã H, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; địa chỉ: Số nhà 22, ngõ 59, phố 7, phường G, thành phố N, tỉnh Ninh Bình vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và bản tự khai có trong hồ sơ việc dân sự, người yêu cầu là anh Nguyễn Văn Đ và chị Trịnh Thị P trình bày: Anh Nguyễn Văn Đ và Chị Trịnh Thị P kết hôn ngày 25-08-2006 tại Ủy ban nhân dân phường G, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Anh chị kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện và có tổ chức đám cưới theo phong tục tại địa phương. Tại thời điểm đăng ký kết hôn chị P chưa đủ 18 tuổi nên đã khai tăng tuổi để đăng ký

kết hôn. Chị P sinh ngày 26-10-1990 nhưng lại khai trong Sổ hộ khẩu sinh năm 1988 để đủ điều kiện đăng ký kết hôn. Ủy ban nhân dân phường G đã căn cứ vào Sổ hộ khẩu của chị P để làm thủ tục đăng ký kết hôn và cấp giấy chứng nhận kết hôn cho anh Đ, chị P. Vì vậy năm sinh của chị P trong Giấy chứng nhận kết hôn số 36 quyển số 01 ngày 25-08-2006 là năm 1988 khác với ngày tháng năm sinh của chị trong Giấy chứng minh nhân dân và Bằng tốt nghiệp trung học cơ sở. Sau khi kết hôn anh Đ, chị P chung sống hạnh phúc đến nay đã sinh được 3 người con chung là cháu Nguyễn Thành L sinh năm 2007, cháu Nguyễn Thị Mai P1 sinh 2009 và cháu Nguyễn Tiến T sinh năm 2015. Do năm sinh của chị P trong Giấy chứng nhận kết hôn của chị P không đúng thực tế và không đúng với năm sinh trong Chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu nên anh chị gặp khó khăn khi thực hiện giao dịch dân sự. Do đó anh Đ, chị P làm đơn yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Đ và chị P đồng thời đề nghị Tòa án công nhận hôn nhân của anh chị hợp pháp kể từ thời điểm chị P và anh Đ đủ điều kiện kết hôn theo quy định.

Tại biên bản xác minh ngày 17-12-2020 Ủy ban nhân dân phường V , thành phố N cung cấp: Anh Nguyễn Văn Đ thường trú tại phường n G, thành phố N và chị Trịnh Thị P thường trú tại xã H, huyện Y, tỉnh Ninh Bình đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường G, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kiểm tra các giấy tờ, tài liệu do các bên giao nộp, thấy đủ cơ sở pháp lý nên ngày 25-08-2006, Ủy ban nhân dân phường G tiến hành đăng ký kết hôn cho anh Đ và chị P theo quy định của pháp luật. Anh Đ và chị P được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 36 quyển số 01 ngày 25-08-2006. Tuy nhiên, cán bộ làm thủ tục đăng ký kết hôn tại điểm đó ghi năm sinh trong Giấy chứng nhận kết hôn theo lời khai, sổ hộ khẩu của chị P nên năm sinh chị P trong giấy chứng nhận kết hôn khác với năm sinh chị P trong giấy khai sinh và không biết việc chị P khai tăng tuổi để đủ tuổi đăng ký kết hôn.

Ủy ban nhân dân phường G xác nhận: Chị Trịnh Thị P, sinh năm 1988 trong Giấy chứng nhận kết hôn số 36 cấp ngày 25-08-2006 với chị Trịnh Thị P, sinh ngày 26-10-1990 trong Giấy khai sinh số 136/2011 đăng ký lại ngày 24-10-2011 và các giấy tờ khác của chị Trịnh Thị P như Chứng minh nhân nhân, Sổ hộ khẩu là cùng của một người là Trịnh Thị P sinh ngày 26-10-1990.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên họp phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết việc dân sự và tại phiên họp Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người yêu cầu anh Nguyễn Văn Đ và chị Trịnh Thị P đã tuân theo

quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết việc dân sự: Áp dụng các Điều 149, 366, 370 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; điểm a khoản 1 Điều 8, khoản 2 Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của anh Nguyễn Văn Đ và chị Trịnh Thị P. Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn Đ và chị Trịnh Thị P được xác lập kể từ ngày 26-10-2008.

- Lệ phí : Anh Nguyễn Văn Đ và chị Trịnh Thị P phải nộp lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ cứ trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Anh Nguyễn Văn Đ và chị Trịnh Thị P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường G, thành phố N, tỉnh Ninh Bình nên Toà án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình thụ lý đơn yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 40 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

1.2. Người yêu cầu là anh Nguyễn Văn Đ và chị Trịnh Thị P vắng mặt tại phiên họp và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự, Tòa án vẫn tiến hành phiên họp theo quy định tại khoản 2 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung*:*

- *Về yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật*:

Theo Giấy khai sinh, Sổ hộ khẩu, Bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, Chứng minh thư nhân dân và các giấy tờ liên quan đến chị Trịnh Thị P cũng như lời trình bày của chị P, anh Đ thì chị P sinh ngày 26-10-1990. Tuy nhiên anh Đ và chị P đăng ký kết hôn ngày 25-08-2006 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 36, quyển số 01 của Ủy ban nhân dân phường G, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Tại thời điểm đăng ký kết hôn chị Pc hưa đủ tuổi kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật

hôn nhân và gia đình năm 2000 là "... *nữ từ 18 tuổi trở lên*". Như vậy việc kết hôn giữa anh Nguyễn Văn Đ và chị Trịnh Thị P là trái pháp luật do chị P vi phạm về độ tuổi kết hôn. Do đó, việc anh Đ và chị P có yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật giữa Anh Nguyễn Văn Đ và chị Trịnh Thị P là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- *Về yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân từ thời điểm chị Trịnh Thị P đủ tuổi kết hôn theo quy định pháp luật*: Tại thời điểm Tòa án giải quyết yêu cầu việc kết hôn trái pháp luật thì anh Đ và chị P đã có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh Đ, chị P vẫn sống chung hạnh phúc, đã có 3 con chung và anh chị đều đề nghị Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp kể từ thời điểm chị P đủ tuổi đăng ký kết hôn.

Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06- 01 - 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn: *"Trường hợp tại thời điểm kết hôn, hai bên kết hôn không có đủ điều kiện kết hôn nhưng sau đó có đủ điều kiện kết hôn quy định tại Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình thì Tòa án xử lý như sau:*

a, Nếu hai bên cùng yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân thì Tòa án quyết định công nhận quan hệ hôn nhân đó kể từ thời điểm các bên kết hôn có đủ điều kiện kết hôn."

Căn cứ vào quy định trên thì cần công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn Đ và chị Trịnh Thị P là hợp pháp kể từ ngày chị Trịnh Thị P "*đủ 18 tuổi trở lên*", đủ tuổi kết hôn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, tức là ngày 26-10- 2008.

[3] Lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Trịnh Thị P phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định tại Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Trịnh Thị P có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm a khoản 1 Điều 8, khoản 2 Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 149, Điều 370 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14

ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Nguyễn Văn Đ và chị Trịnh Thị P theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 36, quyển số 01 ngày 25-08-2006 của Ủy ban nhân dân phường G, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

Công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp giữa anh Nguyễn Văn Đ sinh ngày 20-09-1980 và chị Trịnh Thị P sinh ngày 26-10-1990 kể từ ngày 26-10-2008.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Trịnh Thị P phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm. Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2018/1747 ngày 08-12-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị Quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra Quyết định. Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị Quyết định trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra Quyết định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình
- Chi cục THADS thành phố Ninh Bình
- VKSND thành phố Ninh Bình
- Người yêu cầu
- UBND phường Vân Giang, thành phố Ninh Bình
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Thanh Phương